

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Số: 129/CV-TCKT

(V/v: Giải trình chênh lệch giữa BCTC kiểm toán so với BCTC đã công bố; lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2026 chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm 2025)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026.

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 6.

Căn cứ Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2026 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

A. Giải trình chênh lệch các chỉ tiêu tài chính sau soát xét giữa niên độ năm 2026 so với số liệu trên báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2026 trước khi thực hiện kiểm toán:

I. Các số liệu chênh lệch trên Bảng cân đối kế toán ngày 30/06/2026

1. Số đầu năm 01/01/2026:

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu đã công bố	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
			Số đầu năm	Số đầu năm	
A	B	C	1	2	3=2-1
	TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	661.484.675.011	614.127.440.830	(47.357.234.181)
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	286.814.475.308	239.457.241.127	(47.357.234.181)
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	312.560.148.269	265.202.914.088	(47.357.234.181)
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280	721.694.221.051	674.336.986.870	(47.357.234.181)
	NGUỒN VỐN				
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	113.742.611.630	66.385.377.449	(47.357.234.181)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(342.113.337.803)	(389.470.571.984)	(47.357.234.181)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a	(342.113.337.803)	(389.470.571.984)	(47.357.234.181)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	721.694.221.051	674.336.986.870	(47.357.234.181)

Nguyên nhân chênh lệch số dư đầu năm:

Trong kỳ kế toán, Công ty thực hiện điều chỉnh việc ghi nhận giảm khoản thu nhập khác từ năm 2024 do đánh giá chênh lệch tỷ giá của khoản phải thu của dự án thủy điện Xekaman 1 - Sanxay và dự án thủy điện Xekaman 3 số tiền là 47.357.234.181 đồng. Làm giảm chỉ tiêu 131 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng, đồng thời giảm chỉ tiêu 420a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ số tiền trên. Đồng thời làm giảm chỉ tiêu 280 - Tổng cộng tài sản và chỉ tiêu 440 - Tổng cộng nguồn vốn số tiền trên.

2. Số cuối kỳ 30/06/2026:

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu đã công bố	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
			Số cuối kỳ	Số cuối kỳ	
A	B	C	1	2	3=2-1
	TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	581.985.741.116	500.339.540.745	(81.646.200.371)
II	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	215.962.646.003	134.316.445.632	(81.646.200.371)
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	238.276.678.091	124.329.957.664	(113.946.720.427)
2	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	(34.513.494.508)	(2.212.974.452)	32.300.520.056
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	101.560.817.084	135.561.478.213	34.000.661.129
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	45.091.410.463	79.092.071.592	34.000.661.129
1	Phải thu dài hạn khách hàng	211	45.091.410.463	111.680.896.709	66.589.486.246
2	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		(32.588.825.117)	(32.588.825.117)
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280	683.546.558.200	635.901.018.958	(47.645.539.242)
	NGUỒN VỐN				
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	116.673.453.637	69.027.914.395	(47.645.539.242)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(339.182.495.796)	(386.828.035.038)	(47.645.539.242)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a	(342.113.337.803)	(389.470.571.984)	(47.357.234.181)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	420b	2.930.842.007	2.642.536.946	(288.305.061)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	683.546.558.200	635.901.018.958	(47.645.539.242)

Nguyên nhân chênh lệch số cuối kỳ:

1. Các chỉ tiêu 100 - Tài sản ngắn hạn và chỉ tiêu 130 - Các khoản phải thu ngắn hạn chênh lệch là do điều chỉnh chỉ tiêu 131 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng và chỉ tiêu 136 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

2. Chỉ tiêu 131 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng chênh lệch giảm số tiền 113.946.720.427 đồng là do:

- Điều chỉnh giảm phải thu ngắn hạn của khách hàng đầu kỳ số tiền 47.357.234.181 đồng.

- Điều chỉnh giảm chỉ tiêu 131 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng, đồng thời tăng chỉ tiêu 211 - Phải thu dài hạn của khách hàng số tiền 66.589.486.246 đồng.

3. Chỉ tiêu 136 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tăng số tiền 32.300.520.056 đồng, do điều chỉnh từ chỉ tiêu 136 sang chỉ tiêu 216 - Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi.

4. Các chỉ tiêu 200 - Tài sản dài hạn và chỉ tiêu 210 - Các khoản phải thu dài hạn tăng số tiền 34.000.661.129 đồng, do điều chỉnh chỉ tiêu 211 - Phải thu dài hạn khách hàng và chỉ tiêu 216 - Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi.

5. Chỉ tiêu 211 - Phải thu dài hạn khách hàng tăng số tiền 66.589.486.246 đồng, do điều chỉnh giảm chỉ tiêu 131 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng chuyển sang chỉ tiêu 211.

6. Chỉ tiêu 216 - Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi giảm số tiền 32.588.825.117 đồng là do:

- Điều chỉnh từ chỉ tiêu 136 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi sang chỉ tiêu 216 số tiền 32.300.520.056 đồng.

- Trong kỳ Công ty trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi số tiền: 288.305.061 đồng.

7. Chỉ tiêu 400 - Vốn chủ sở hữu và chỉ tiêu 420 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chênh lệch giảm số tiền 47.645.539.242 đồng, do điều chỉnh các chỉ tiêu 420a và 420b.

8. Chỉ tiêu 420a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước chênh lệch giảm số tiền 47.357.234.181 đồng, do Công ty thực hiện điều chỉnh việc ghi nhận giảm khoản thu nhập khác từ năm 2024 do đánh giá chênh lệch tỷ giá của khoản phải thu của dự án thủy điện Xekaman 1 - Sanxay và dự án thủy điện Xekaman 3 số tiền là 47.357.234.181 đồng.

9. Chỉ tiêu 420b - LNST chưa phân phối kỳ này giảm số tiền 288.305.061 đồng, do trong kỳ Công ty trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi số tiền 288.305.061 đồng.

10. Do điều chỉnh các chỉ tiêu trên ảnh hưởng đến chỉ tiêu 280 - Tổng cộng tài sản và chỉ tiêu 440 - Tổng cộng nguồn vốn, giảm số tiền 47.645.539.242 đồng.

II. Các số liệu chênh lệch trên Báo cáo KQKD 6 tháng đầu năm 2026:

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu đã công bố	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
			Năm nay	Năm nay	
A	B	C	2	4	6=4-2
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.656.590.252	10.944.895.313	288.305.061
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(3.984.108.541)	(4.272.413.602)	(288.305.061)
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	50	2.930.842.007	2.642.536.946	(288.305.061)
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	2.930.842.007	2.642.536.946	(288.305.061)
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	84	76	(8)

Nguyên nhân chênh lệch:

1. Trong kỳ Công ty trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi số tiền: 288.305.061 đồng, làm tăng chỉ tiêu 26 - Chi phí quản lý doanh nghiệp số tiền trên.

2. Điều chỉnh chỉ tiêu 26 làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu 30 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu 50 - Tổng lợi nhuận trước thuế, chỉ tiêu 60 - Lợi nhuận sau thuế TNDN và chỉ tiêu 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

III. Các số liệu chênh lệch trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2026

1. Lũy kế 6 tháng đầu năm trước:

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu đã công bố	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
			Lũy kế 6 tháng đầu năm trước	Lũy kế 6 tháng đầu năm trước	
A	B	C	1	2	3=2-1
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.706.976.940)	(1.704.235.825)	2.741.115
1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(32.927.638.285)	(32.924.897.170)	2.741.115
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.565.972.871	43.568.713.986	2.741.115
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.741.115	0	(2.741.115)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.981.647.111	1.978.905.996	(2.741.115)

Nguyên nhân chênh lệch:

Chỉ tiêu 05 - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư và chỉ tiêu 27 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, chênh lệch là do đã được điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Lũy kế 6 tháng đầu năm nay:

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu đã công bố	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
			Lũy kế 6 tháng đầu năm nay	Lũy kế 6 tháng đầu năm nay	
A	B	C	1	2	3=2-1
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Lợi nhuận trước thuế	01	2.930.842.007	2.642.536.946	(288.305.061)
-	Các khoản dự phòng	03	7.344.230	280.960.831	273.616.601
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(212.311.027)	0	212.311.027
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(645.000.000)	(901.032.374)	(256.032.374)
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.681.507.910	11.623.098.103	(58.409.807)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	39.637.372.003	40.360.940.018	723.568.015
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(18.440.071.687)	(17.504.877.833)	935.193.854
-	Chi phí đi vay đã trả	14	(265.524.414)	(1.533.613.531)	(1.268.089.117)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.004.859.423	24.337.122.368	332.262.945
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(62.970.000)	(62.970.000)
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	3.032.909.589	(11.000.000.000)	(14.032.909.589)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	14.032.909.589	14.032.909.589
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	101.432.890	97.664.359	(3.768.531)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.843.842.479	3.777.103.948	(66.738.531)
-	Tiền thu từ đi vay	33	13.533.524.414	13.268.000.000	(265.524.414)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.417.302.716)	(29.682.827.130)	(265.524.414)

Nguyên nhân chênh lệch:

1. Chỉ tiêu 01 - Lợi nhuận trước thuế chênh lệch giảm số tiền 288.305.061 đồng, do trong kỳ Công ty trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi số tiền 288.305.061 đồng.

2. Chỉ tiêu 03 - Các khoản dự phòng chênh lệch tăng số tiền 273.616.601 đồng, do Công ty trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi, đồng thời tính toán lại số liệu tài chính.

3. Chỉ tiêu 04 - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ chênh lệch tăng số tiền 212.311.027 đồng, do điều chỉnh lại theo ý kiến của kiểm toán.

4. Chỉ tiêu 05 - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư chênh lệch giảm số tiền 256.032.374 đồng, do điều chỉnh lại theo ý kiến của kiểm toán.

5. Chỉ tiêu 08 - Lợi nhuận từ hoạt động đầu kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động chênh lệch giảm số tiền 58.409.807 đồng, do điều chỉnh các chỉ tiêu trên.

6. Chỉ tiêu 09 - Tăng, giảm các khoản phải thu chênh lệch tăng số tiền 723.568.015 đồng, do tính toán lại theo ý kiến của kiểm toán.

7. Chỉ tiêu 11 - Tăng, giảm các khoản phải trả chênh lệch tăng số tiền 935.193.854 đồng, do tính toán lại theo ý kiến của kiểm toán.

8. Chỉ tiêu 14 - Chi phí đi vay đã trả chênh lệch giảm số tiền 1.268.089.117 đồng, do tính toán lại theo ý kiến của kiểm toán.

9. Chỉ tiêu 20 - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chênh lệch tăng số tiền 332.262.945 đồng, do điều chỉnh các chỉ tiêu 08, 09, 11 và chỉ tiêu 14.

10. Chỉ tiêu 21 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác chênh lệch giảm số tiền 62.970.000 đồng, do tính bổ sung giá trị mua lại tài sản thuê tài chính.

11. Chỉ tiêu 23 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác chênh lệch giảm số tiền 14.032.909.589 đồng, và chỉ tiêu 24 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác chênh lệch tăng số tiền 14.032.909.589 đồng, do điều chỉnh lại theo ý kiến của kiểm toán.

12. Chỉ tiêu 27 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia chênh lệch giảm số tiền 3.768.531 đồng, do tính toán lại theo ý kiến của kiểm toán.

13. Chỉ tiêu 30 - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư chênh lệch giảm số tiền 66.738.531 đồng, do điều chỉnh các chỉ tiêu 21, 23, 24 và chỉ tiêu 27.

14. Chỉ tiêu 33 - Tiền thu từ đi vay chênh lệch giảm số tiền 265.524.414 đồng, do tính toán lại theo ý kiến của kiểm toán.

14 - Chỉ tiêu 40 - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính chênh lệch giảm số tiền 265.524.414 đồng, do điều chỉnh chỉ tiêu 33.

B. Giải trình lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2026 chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm 2025 và chuyển từ lỗ 6 tháng đầu năm trước sang lãi 6 tháng đầu năm nay:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty cổ phần Sông Đà 6 bước vào giai đoạn vận hành Trạm nghiền sàng cát đá 500.000m³/năm tại dự án thủy điện tích năng Bác Ái - tỉnh Khánh Hòa để nghiền sàng đá dăm, xát xay cung cấp cho các đối tác thi công xây dựng tại công trình.

Tiếp tục tuyển dụng lao động, di chuyển lực lượng thi công, sửa chữa bảo dưỡng xe máy thiết bị tại Công trình thủy điện Hạ Sekong A tại nước Cộng hòa DCND Lào, đồng thời phối hợp với Chủ đầu tư triển khai thi công đáp ứng tiến độ công trình.

Hoàn thành công tác quyết toán toàn bộ Công trình thủy điện Nậm Lúc với Chủ đầu tư.

Tiếp tục công tác hoàn thiện, đơn đốc công tác quyết toán dự án thủy điện Xekaman 3, thủy điện Xekaman 1 - Xanxay tại nước Cộng hòa DCND Lào, thủy điện Huội Quảng.

Một số chỉ tiêu tài chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026	Tỷ lệ
A	B	1	2	3=(2-1)/1
1	Tổng doanh thu	31.356.967.304	79.447.968.094	153%
2	Tổng chi phí	77.174.752.627	76.805.431.148	(0,5)%

3	Lợi nhuận trước thuế	(45.817.785.323)	2.642.536.946	(106)%
4	Lợi nhuận sau thuế	(45.817.785.323)	2.642.536.946	(106)%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2026 tăng hơn 106% so với cùng kỳ năm 2025 và chuyển từ lỗ 6 tháng đầu năm trước sang lãi 6 tháng đầu năm nay, nguyên nhân là do:

Trong 6 tháng đầu năm 2026 Công ty đã tuyển dụng được một số lượng lao động nhất định đảm bảo thi công các công trình. Đồng thời Công ty đã hoàn thành công tác bảo dưỡng, sửa chữa xe máy thiết bị. Bắt đầu triển khai thi công trở lại Công trình thủy điện Hạ Sekong A tại nước Cộng hòa DCND Lào đáp ứng tiến độ đã cam kết.

Chủ đầu tư Công trình thủy điện Hạ Sekong A đồng ý thanh toán phần khối lượng xây lắp hoàn thành còn dở dang trước đây; thanh toán các khoản chi phí nhân lực, bảo vệ, bơm nước trực hiện trường, giá trị thiết bị chờ việc trong giai đoạn công trình tạm dừng thi công. Các khoản thuế VAT tại Lào của các khoản doanh thu trước đây cũng được Chủ đầu tư chấp nhận thanh toán bù cho Sông Đà 6.

Ngoài ra, Công ty đã quyết toán dứt điểm giá trị khối lượng xây lắp Công trình thủy điện Nậm Lúc với Chủ đầu tư. Đồng thời được Chủ đầu tư đồng ý thanh toán khoản thu nhập khác do chậm thanh toán công nợ với giá trị là 9,3 tỷ đồng.

Việc mua lại tài sản thuê tài chính theo hợp đồng, và thanh toán tiền thuê tài chính kịp thời, Công ty đã đàm phán với Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi Trust - Chi nhánh Hà Nội và được đồng ý giảm chi phí lãi vay quá hạn với giá trị là 1,4 tỷ đồng.

Nên kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2026 có phần khả quan hơn, đồng thời chuyển từ lỗ 6 tháng đầu năm 2025 sang lãi cùng kỳ năm nay.

Trong thời gian tới đây khi Công trình thủy điện Hạ SeKong A tại Lào bước vào giai đoạn thi công gấp rút, và Trạm nghiền sàng cát, đá 500.000m³/năm tại Công trình thủy điện tích năng Bắc Ái đi vào giai đoạn sản xuất sản phẩm sẽ đảm bảo công ăn việc làm cho CBCNV của Công ty. Đồng thời hy vọng giai đoạn tới đây sẽ đạt hiệu quả SXKD tốt hơn so với những năm vừa qua./.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, VP. 

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Lê Tiến Chủ